

CHỨNG THƯ CHẤT LƯỢNG
INSPECTION CERTIFICATE
Số/Nº: 0297/2025/SP



- Tên hàng hóa: NPK CÀ MAU 15-15-15+10S+TE
Product name: NPK CA MAU 15-15-15+10S+TE
- Khối lượng: 742.05 tấn
Quantity: 742.05 Tons
- Thông tin sản phẩm:
 - NPK CÀ MAU 15-15-15+10S+TE bao 50Kg : 201.30 tấn
 - NPK CÀ MAU 15-15-15+10S+TE bao 25Kg : 540.75 tấnNSX: 18/04/2025; HSD: 36 tháng kể từ NSX
Ngoại quan sản phẩm: Dạng hạt, rắn
- Xuất xứ/nơi sản xuất hàng hóa: Nhà máy Đạm Cà Mau, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Origin of goods: Ca Mau Fertilizer Plant, Khanh An Commune, U Minh District, Ca Mau Province, Viet Nam
- Địa điểm thực hiện: Nhà máy Đạm Cà Mau, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Place of inspection: Ca Mau Fertilizer Plant, Khanh An Commune, U Minh District, Ca Mau Province, Viet Nam
- Thời gian thực hiện: 28/04/2025 14:55:15
Time of inspection: 28/04/2025 14:55:15
- Giám định viên: Bùi Hồng Yên, Phan Hữu Lợi, Trần Quang Thoại
Inspector: Bùi Hồng Yên, Phan Hữu Lợi, Trần Quang Thoại
- Nội dung giám định: Theo TCCS 40:2024/PVCFC
Based on: The Standard TCCS 40:2024/PVCFC
- Kết quả phân tích mẫu:
Analysis results:

STT No	Tên chỉ tiêu Components	Phương pháp thử Testing Method	Đơn vị Unit	Tiêu chuẩn kỹ thuật Specifications	Kết quả Results	Ghi chú Note
1	Đạm tổng số (Nts)	TCVN 5815:2018	%	15	14.42	
2	Lân hữu hiệu (P2O5hh)	TCVN 8559:2010	%	15	14.34	
3	Kali hữu hiệu (K2Ohh)	TCVN 8560:2018	%	15	14.43	
4	Độ ẩm	TCVN 5815:2018	%	2	1.54	
5	Tổng S	AOAC 2017.08	%	10	8.83	
6	Kẽm (Zn)	TCVN 9289:2012	ppm	1000	1095.0	
7	Bo (B)	TCVN 13263-8:2020	ppm	500	548.0	

- Kết luận: Phù hợp TCCS 40:2024/PVCFC
Conclusion: In conformity with the Standard TCCS 40:2024/PVCFC

TRƯỞNG PHÒNG CÔNG NGHỆ

Manager of Process Department

Ký bởi: Nguyễn Văn Bình

Ngày ký: 05/05/2025 17:06:00

Tổ chức xác thực: PVCFC CA